

Số: 81/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 3 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Về bổ sung, điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương;
phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XIV - KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh và cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách địa phương năm 2022;

Xét Tờ trình số 1876/TTr-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2022 và Tờ trình số 1886, 1888 /TTr-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 102/BC-HĐND ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung kế hoạch ghi thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, ghi chi tiền giải phóng mặt bằng nhà đầu tư ứng trước theo quy định của Luật Đất đai tại khoản 4 Điều 1 và khoản 5 Điều 2 Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021: 141.310 triệu đồng.

Kế hoạch ghi thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, ghi chi tiền giải phóng mặt bằng nhà đầu tư ứng trước theo quy định của Luật Đất đai sau bổ sung: 696.430 triệu đồng, trong đó: Ghi thu tiền sử dụng đất: 102.128 triệu đồng, ghi thu tiền thuê đất: 594.302 triệu đồng (*Chi tiết theo Phụ biểu 01*).

Điều 2. Điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương, dự toán ngân sách cấp tỉnh tại Nghị quyết số 77/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021:

1. Về chi thường xuyên:

a) Điều chỉnh dự toán chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: giảm dự toán ngân sách huyện để bổ sung tăng dự toán ngân sách cấp tỉnh: 194.796 triệu đồng.

Tổng chi ngân sách địa phương, chi thường xuyên ngân sách địa phương tại khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 77/NQ-HĐND không thay đổi.

Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 77/NQ-HĐND sau điều chỉnh: 18.174.998 triệu đồng, chi thường xuyên: 5.396.915 triệu đồng (trong đó, sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: 880.519 triệu đồng, tăng 194.796 triệu đồng).

b) Điều chỉnh trong nội bộ chi quản lý hành chính dự toán ngân sách cấp tỉnh:

Điều chỉnh giảm 3.529 triệu đồng dự toán đã giao cho Ban Xây dựng nông thôn mới do giải thể để bổ sung tăng 3.529 triệu đồng cho: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 3.162 triệu đồng; chi khác quản lý hành chính: 367 triệu đồng.

(Chi tiết theo các Biểu số 30, 33, 34, 37, 39, 41 của Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ).

2. Về chi đầu tư phát triển:

a) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư: 421.557 triệu đồng của 2 dự án, gồm: (i1) Dự án Bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hạ Long - Hải Phòng đến thị xã Đông Triều, đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đông Triều (giai đoạn 1): 221.557 triệu đồng; (i2) Dự án Đường bao biển nối thành phố Hạ Long với thành phố Cẩm Phả: 200.000 triệu đồng.

b) Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn đầu tư: 421.557 triệu đồng cho 04 dự án, gồm: (i1) Dự án Mở rộng, xây dựng trường bắn, thao trường huấn luyện tổng hợp 493/Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh: 60.000 triệu đồng; (i2) Hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình: Đường giao thông từ Sam Quang lên tuyến đường tuần tra biên giới khu vực mốc 1305, xã Đồng Tâm, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh/QK3: 30.000 triệu đồng; (i3) Dự án Xây dựng chốt chiến đấu của dân quân thường trực biên giới đất liền, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biên giới trong tình hình mới: 40.000 triệu đồng; (i4) Dự án Mở rộng đường 334 đoạn từ sân golf Ao Tiên đến nút giao giữa đường 334 với đường vào công viên phức hợp khu kinh tế Vân Đồn: 291.557 triệu đồng.

(Chi tiết theo Phụ biểu 02)

Điều 3. Phân bổ chi tiết kế hoạch chi đầu tư phát triển ngân sách cấp tỉnh:

a) Phân bổ kế hoạch vốn cho 11 dự án đã hoàn thành, được phê duyệt quyết toán: 132.591 triệu đồng *(Chi tiết theo Phụ biểu 03)* từ nguồn còn lại chưa phân bổ cho các dự án, công trình sau khi được phê duyệt quyết toán tại điểm (i2), tiết a, khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 77/NQ-HĐND. Nguồn vốn còn lại chưa phân bổ: 478.147 triệu đồng.

b) Phân bổ kế hoạch vốn cho Dự án Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Húc Động - Đồng Văn, Cao Ba Lanh kết nối đến Quốc lộ 18C, huyện Bình Liêu: 170.000 triệu đồng *(Chi tiết theo Phụ biểu 04)* từ nguồn vốn còn lại chưa phân bổ của Chương trình tổng thể phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi,

biên giới, hải đảo gắn với xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021 - 2025 tại Phụ biểu số 7 Nghị quyết số 77/NQ-HĐND.

Điều 4. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết; chịu trách nhiệm toàn diện về số liệu, các nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định của pháp luật có liên quan.

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ danh mục các dự án và tiến độ triển khai công tác chuẩn bị đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ động phân bổ chi tiết Kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch (10.000 triệu đồng) tại điểm a, khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 77/NQ-HĐND.

Bám sát các cơ chế, biện pháp điều hành ngân sách đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Điều 3 Nghị quyết số 77/NQ-HĐND và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh để chủ động tổ chức điều hành và triển khai có hiệu quả dự toán ngân sách năm 2022. Thực hiện rà soát tổng thể các nguồn kinh phí (bao gồm cả chi đầu tư và chi thường xuyên) đã bố trí dự toán đầu năm nhưng không đảm bảo điều kiện, đánh giá sát tiến độ phân bổ, giải ngân trong năm 2022 của các dự án, nhiệm vụ để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc điều chỉnh cắt, giảm, bổ sung kế hoạch đầu tư vốn ngân sách tỉnh năm 2022 giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương; điều chỉnh kế hoạch vốn từ các dự án giải ngân chậm sang các dự án có khả năng giải ngân cao theo quy định của Luật đầu tư công và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công điện số 126/CD-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2022; đẩy nhanh tiến độ giải ngân các nguồn vốn ngân sách (bao gồm đầu tư công và chi thường xuyên); nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, không để xảy ra tình trạng dư dự toán, hủy nguồn.

2. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

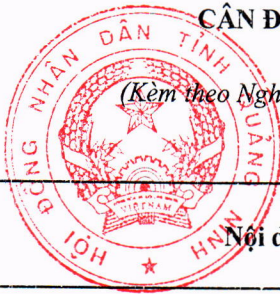
Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XIV, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 31 tháng 3 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội; Chính phủ (b/c);
- Ban CTĐB của UBND Quốc hội (b/c);
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Kiểm toán nhà nước;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ và tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Truyền thông tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS(P1).

CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Ký



**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH
VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số: 81/NQ-HĐND ngày 31/03/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng./.

STT	Nội dung	NGHỊ QUYẾT SỐ 77/NQ-HĐND	ĐIỀU CHỈNH	DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH
A	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH			
I	Nguồn thu ngân sách	22.046.284	93.424	22.139.708
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	20.962.860	0	20.962.860
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	1.083.424	0	1.083.424
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách		0	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	1.083.424	0	1.083.424
3	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		93.424	93.424
II	Chi ngân sách	22.046.284	93.424	22.139.708
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp tỉnh	19.096.101	194.796	19.290.897
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	2.950.183	-101.372	2.848.811
-	Chi bổ sung cân đối ngân sách	2.617.992	-83.192	2.534.800
-	Chi bổ sung có mục tiêu	332.191	-18.181	314.010
B	NGÂN SÁCH HUYỆN		0	
I	Nguồn thu ngân sách	13.352.963	-101.372	13.251.591
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	10.402.780	0	10.402.780
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	2.950.184	-101.373	2.848.811
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	2.617.992	-83.192	2.534.800
-	Thu bổ sung có mục tiêu	332.191	-18.181	314.010
II	Chi ngân sách	13.352.963	-101.372	13.251.591
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	13.352.963	-194.796	13.158.167
2	Chi nộp ngân sách cấp trên		93.424	93.424

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số: 81/NQ-HĐND ngày 31/03/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng./.

STT	CHỈ TIÊU	NGHỊ QUYẾT SỐ 77/NQ-HĐND			ĐIỀU CHỈNH			DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH		
		NSDP	TỈNH	HUYỆN, XÃ	NSDP	TỈNH	HUYỆN, XÃ	NSDP	TỈNH	HUYỆN, XÃ
	TỔNG SỐ	32.449.064	19.096.101	13.352.963	0	194.796	-194.796	32.449.064	19.290.897	13.158.167
A	TỔNG CHI NSDP	31.333.165	17.980.202	13.352.963	0	194.796	-194.796	31.333.165	18.174.998	13.158.167
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	14.540.000	9.767.573	4.772.428	0	0	0	14.540.000	9.767.573	4.772.428
II	CHI HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG NHÀ NƯỚC	101.488	101.488	0	0	0	0	101.488	101.488	0
III	DỰ TRỮ TÀI CHÍNH	1.600	1.600		0	0	0	1.600	1.600	
IV	CHI THƯỜNG XUYÊN	13.248.676	5.202.119	8.046.557	0	194.796	-194.796	13.248.676	5.396.915	7.851.761
	<i>Trong đó:</i>									
4	Sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình	1.230.309	685.723	544.586	0	194.796	-194.796	1.230.309	880.519	349.790
Tráo:	- Sự nghiệp tập trung ngành y tế	57.000	57.000		0	0	0	57.000	57.000	
	- Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị nâng cao năng lực cơ sở y tế toàn tỉnh	130.000	130.000		0	0	0	130.000	130.000	
	- Kinh phí phòng chống dịch	125.000	125.000		0	0	0	125.000	125.000	
	- Kinh phí hoạt động của 177 trạm y tế xã	194.796		194.796	0	194.796	-194.796	194.796	194.796	
V	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	1.254.626	720.647	533.978	0	0	0	1.254.626	720.647	533.978
VI	DỰ PHÒNG NGUỒN TĂNG LƯƠNG	2.177.607	2.177.607	0	0	0	0	2.177.607	2.177.607	0
VII	CHI TRẢ LÃI PHÍ	9.168	9.168		0	0	0	9.168	9.168	
B	CHI TỪ NGUỒN NSTW BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU	1.083.424	1.083.424		0	0	0	1.083.424	1.083.424	
I	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	950.000	950.000		0	0	0	950.000	950.000	
II	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách và một số CTMT	133.424	133.424		0	0	0	133.424	133.424	
C	TRẢ NỢ GỐC	32.475	32.475		0	0	0	32.475	32.475	

✓



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO LĨNH VỰC NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số: 81/NQ-HĐND ngày 31/03/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng./.

STT	NỘI DUNG	NGHỊ QUYẾT SỐ 77/NQ-HĐND	ĐIỀU CHỈNH	DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH TỈNH	22.046.284	93.424	22.139.708
A	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	2.950.183	-101.372	2.848.811
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO LĨNH VỰC	19.096.101	194.796	19.290.897
I	Chi đầu tư phát triển	9.767.573	0	9.767.573
II	Chi thường xuyên	5.202.119	194.796	5.396.915
	<i>Trong đó:</i>			
4	Chi y tế, dân số và gia đình	685.723	194.796	880.519
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	9.168	0	9.168
IV	Chi hỗ trợ hoạt động tín dụng nhà nước	101.488	0	101.488
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.600	0	1.600
VI	Dự phòng ngân sách	720.647	0	720.647
VII	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	2.177.607	0	2.177.607
VIII	Chi từ nguồn NSTW BSCMT	1.083.424	0	1.083.424
IX	Trả nợ gốc	32.475	0	32.475

6

DỰ TOÁN CHI TIẾT THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số: 81/NQ-HĐND ngày 31/03/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng./.

STT	NỘI DUNG	NGHỊ QUYẾT SỐ 77/NQ-HĐND			ĐIỀU CHỈNH			DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH		
		Tổng số	Y tế, dân số, gia đình	Hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	Tổng số	Y tế, dân số, gia đình	Hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	Tổng số	Y tế, dân số, gia đình	Hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể
	Tổng số	5.202.119	685.723	815.989	194.796	194.796	0	5.396.915	880.519	815.989
A	Kinh phí thường xuyên	1.482.712	269.223	630.419	194.429	194.796	-367	1.677.141	464.019	630.052
	Trong đó:									
5	Ban Xây dựng Nông thôn mới	3.529		3.529	-3.529	0	-3.529	0		
13	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	105.298		102.922	3.162		3.162			106.084
19	Sở Y tế	253.923	240.390	13.533	194.796	194.796		448.719	435.186	13.533
B	Kinh phí không thường xuyên	3.719.407	416.500	185.570	367		367	3.719.774	416.500	185.937
	Trong đó:									
XI	Hoạt động của các cơ quan QLNN, Đảng, đoàn thể	185.570	0	185.570	367		367	185.937	0	185.937
	Trong đó:									
17	Chi khác quản lý hành chính	60.000		60.000	367		367	60.367		60.367

✓

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
VÀ SỔ BỔ SUNG CÂN ĐỐI TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI NĂM 2022**

(Kèm theo Nghị quyết số: 81/NQ-HĐND ngày 31/03/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng./.

TT	TÊN ĐƠN VỊ	NGHỊ QUYẾT SỐ 77/NQ-HĐND			CHÊNH LỆCH			DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH		
		Số bổ sung từ ngân sách cấp trên	Nộp chuyển giao về ngân sách tỉnh	Tổng chi cân đối NSDP	Số bổ sung từ ngân sách cấp trên	Nộp chuyển giao về ngân sách tỉnh	Tổng chi cân đối NSDP	Số bổ sung từ ngân sách cấp trên	Nộp chuyển giao về ngân sách tỉnh	Tổng chi cân đối NSDP
	TỔNG SỐ	2.950.184	-	13.352.963	(101.374)	93.424	(194.796)	2.848.810	93.424	13.158.167
1	Hạ Long	0		4.127.617	0	30.322	-30.322		30.322	4.097.295
2	Cẩm Phả	0		1.435.050	0	16.582	-16.581		16.582	1.418.468
3	Uông Bí	0		895.820	0	11.621	-11.621		11.621	884.199
4	Móng Cái	332.191		1.202.845	-18.181	0	-18.181	314.010		1.184.664
5	Đông Triều	0		1.245.400	0	22.377	-22.377		22.377	1.223.023
6	Quảng Yên	645.290		1.160.885	-21.156	0	-21.156	624.134		1.139.729
7	Vân Đồn	0		662.088	0	12.522	-12.522		12.522	649.566
8	Tiên Yên	430.701		522.559	-13.570	0	-13.570	417.131		508.989
9	Hải Hà	393.932		630.278	-15.509	0	-15.509	378.423		614.769
10	Đầm Hà	340.004		517.276	-10.925	0	-10.924	329.079		506.351
11	Bình Liêu	369.627		438.754	-8.812	0	-8.812	360.815		429.942
12	Ba Chẽ	315.260		353.241	-9.200	0	-9.200	306.060		344.041
13	Cô Tô	123.179		161.151	-4.022	0	-4.022	119.157		157.129

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỪNG HUYỆN NĂM 2022
(Kèm theo Nghị quyết số: 81/NQ-HĐND ngày 31/03/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng./.

TT	TÊN ĐƠN VỊ	NGHỊ QUYẾT SỐ 77/NQ-HĐND		ĐIỀU CHỈNH		DỰ TOÁN SAU ĐIỀU CHỈNH	
		Tổng chi ngân sách địa phương	Trong đó: Chi thường xuyên	Tổng chi ngân sách địa phương	Trong đó: Chi thường xuyên	Tổng chi ngân sách địa phương	Trong đó: Chi thường xuyên
	TỔNG SỐ	13.352.963	8.046.557	-194.796	-194.796	13.158.167	7.851.761
1	Hạ Long	4.127.617	1.513.346	-30.322	-30.322	4.097.295	1.483.024
2	Cẩm Phả	1.435.050	864.426	-16.581	-16.581	1.418.468	847.844
3	Uông Bí	895.820	645.015	-11.621	-11.621	884.199	633.394
4	Móng Cái	1.202.845	684.732	-18.181	-18.181	1.184.664	666.551
5	Đông Triều	1.245.400	958.110	-22.377	-22.377	1.223.023	935.733
6	Quảng Yên	1.160.885	834.450	-21.156	-21.156	1.139.729	813.294
7	Vân Đồn	662.088	397.151	-12.522	-12.522	649.566	384.630
8	Tiên Yên	522.559	471.657	-13.570	-13.570	508.989	458.086
9	Hải Hà	630.278	485.067	-15.509	-15.509	614.769	469.558
10	Đầm Hà	517.276	354.584	-10.924	-10.924	506.351	343.660
11	Bình Liêu	438.754	389.204	-8.812	-8.812	429.942	380.392
12	Ba Chẽ	353.241	324.111	-9.200	-9.200	344.041	314.911
13	Cô Tô	161.151	124.705	-4.022	-4.022	157.129	120.683

PHỤ BIỂU 01. DỰ TOÁN GHI THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TIỀN THUÊ ĐẤT, GHI TIỀN BỒI THƯỜNG, GPMB NHÀ ĐẦU TƯ TỰ NGUYỆN ỨNG TRƯỚC

(Kèm theo Nghị quyết số: 81/NQ-HĐND ngày 31/03/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: triệu đồng./.

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Dự toán ghi thu			Dự toán ghi chi tiền GPMB nhà đầu tư ứng trước
			Tổng số	Tiền sử dụng đất	Tiền thuê đất	
	Tổng số		696.430	102.128	594.302	696.430
I	Các dự án được phê duyệt tại Nghị quyết số 77/NQ-HĐND		555.120	30.915	524.205	555.120
1	Đầu tư xây dựng khu dân cư đô thị tại phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long (tên dự án cũ: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật (dự án cấp 1) khu dân cư, chung cư phục vụ người có thu nhập thấp tại phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh)	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Tân Thành	6.016	6.016		6.016
2	Dự án Nâng công suất trạm XLNT 1.200m3/h mỏ than Mạo Khê tại khu Vĩnh Lập, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều	Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV	501		501	501
3	Dự án khai thác lộ thiên kết hợp cải tạo các hồ mỏ Nam Trảng Bạch tại các xã Hoàng Quế, Hồng Thái Tây, thị xã Đông Triều	Tổng công ty Đông Bắc (do Công ty CP 397-đơn vị được ủy quyền)	17.563		17.563	17.563
4	Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu dân cư tự xây tổ 21, khu 4, phường Bắc Sơn, thành phố Uông Bí	Công ty TNHH Thanh Thảo Quảng Ninh	240	240		240
5	Dự án phát triển tổ hợp cảng biển và khu công nghiệp tại khu vực Đầm Nhà Mạc, thị xã Quảng Yên	Công ty CP Khu công nghiệp Bắc Tiền Phong	506.141		506.141	506.141
6	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật (dự án cấp 1) khu dân cư Đông Yên Thanh tại phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh	1.899	1.899		1.899
7	Dự án Khu dân cư đôi ngân hàng tại phường Hồng Hải, Hạ Long	Công ty Cổ phần Tuấn Thành	22.760	22.760		22.760
II	Các dự án bổ sung		141.310	71.213	70.097	141.310
1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật (dự án cấp 1) khu dân cư Đông Yên Thanh tại phường Yên Thanh, thành phố Uông Bí	Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh	1.790		1.790	1.790
2	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị bờ Tây cầu Trới	Tổng công ty 319 - Bộ Quốc phòng	1.370	1.370		1.370

✓

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Dự toán ghi thu			Dự toán ghi chi tiền GPMB nhà đầu tư ứng trước
			Tổng số	Tiền sử dụng đất	Tiền thuê đất	
3	Khu đô thị mới phường Cẩm Thủy	Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh	3.865	3.865		3.865
4	Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng KCN Đông Mai tại phường Đông Mai, thị xã Quảng Yên	Công ty CP đầu tư phát triển hạ tầng Viglacera	68.307		68.307	68.307
5	Dự án khu đô thị ngành than (giai đoạn I) tại phường Hà Khánh	Công ty CP Đầu tư phát triển nhà và hạ tầng TKV	6.500	6.500		6.500
6	Dự án Khu dân cư phía tây nhà máy bia Đông Mai, thị xã Quảng Yên	Công ty cổ phần bất động sản HANCO-VID	11.430	11.430		11.430
7	Khu dịch vụ du lịch và đô thị sinh thái Cửa Ông tại khu 4B phường Cửa ông, thành phố Cẩm Phả	Liên danh chủ đầu tư Thiên đường Hải Đảo - Đông Đô - TECCO	48.048	48.048		48.048

PHỤ BIỂU 02: ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số: 81/NQ-HĐND ngày 31/03/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án/ nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí vốn đến hết năm 2021	Kế hoạch năm 2022		Dự kiến khối lượng có thể thực hiện năm 2022	Điều chỉnh kế hoạch năm 2022 Vốn NS Tỉnh		Kế hoạch năm 2022 sau điều chỉnh		Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: NS tỉnh		Giảm	Tăng	Tổng số	Trong đó: NS tỉnh	
	Tổng cộng							1.999.543		421.557	421.557	1.999.543	1.999.543	
I	Điều chỉnh giảm Kế hoạch									421.557				
1	Dự án bồi thường, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án đường ven sông kết nối từ đường cao tốc Hạ Long – Hải Phòng đến thị xã Đông Triều, đoạn từ đường tỉnh 338 đến thị xã Đông Triều (giai đoạn 1)	UBND thị xã Quảng Yên; TP Uông Bí; Thị xã Đông Triều	2305/QĐ-UBND ngày 4/7/2021; 4374/QĐ-UBND ngày 09/12/2021	1.770.108	1.770.108	692.122	1.299.543	1.299.543	1.077.986	221.557		1.077.986	1.077.986	
2	Đường bao biển nối thành phố Hạ Long với thành phố Cẩm Phả	BQLDA ĐTXD các công trình Giao thông	4399/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 2796/QĐ-UBND ngày 10/8/2020; 3416/QĐ-UBND ngày 8/10/2021; 4339/QĐ-UBND ngày 6/12/2021	2.290.569	2.290.569	1.605.382	400.000	400.000	220.000	200.000		200.000	200.000	Trong đó giảm từ Nguồn thu tiền sử dụng đất 100.000 trđ
II	Điều chỉnh tăng Kế hoạch										421.557			
1	Lĩnh vực Quốc phòng an ninh			222.000	182.000				160.000		130.000	130.000	130.000	
1.1	Mở rộng, xây dựng trường bắn, thao trường huấn luyện tổng hợp 493/Bộ CHQS tỉnh	BCH QS tỉnh	QĐ số 3817/QĐ-QK3 ngày 30/12/2021	70.000	70.000				60.000		60.000	60.000	60.000	Phục vụ cho diễn tập phòng thủ năm 2022
1.2	Hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường giao thông từ Sam Quang lên tuyến đường tuần tra biên giới khu vực mốc 1305, Xã Đồng Tâm, huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh/QK3	Đoàn kinh tế QP 327	QĐ số 2037/QĐ-BQP ngày 1/7/2021	80.000	40.000				50.000		30.000	30.000	30.000	Năm 2021 NS Trung ương đã bố trí 21 tỷ cho dự án
1.3	Xây dựng chốt chiến đấu của dân quân thường trực biên giới đất liền, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biên giới trong tình hình mới	BCH QS tỉnh	QĐ số 93/QĐ-QK3 ngày 18/2/2022	72.000	72.000				50.000		40.000	40.000	40.000	Dự kiến hoàn thành năm 2023
2	Lĩnh vực Giao thông										291.557	591.557	591.557	
2.1	Dự án Mở rộng đường 334 đoạn từ sân golf Ao Tiên đến nút giao giữa đường 334 với đường vào công viên phức hợp KKT Vân Đồn (bố trí kinh phí cho GPMB)*	Ban quản lý ĐA đầu tư xây dựng các công trình giao thông	QĐ số 4458/QĐ-UBND ngày 02/12/2020; 2930/QĐ-UBND ngày 30/3/2021	1.494.055	1.494.055	430.000	300.000	300.000	600.000		291.557	591.557	591.557	Trong đó bao gồm 100.000 trđ nguồn thu tiền sử dụng đất

Ghi chú: * Đối với Dự án Mở rộng đường 334 đoạn từ sân golf Ao Tiên đến nút giao giữa đường 334 với đường vào công viên phức hợp Khu kinh tế Vân Đồn: UBND tỉnh chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng đảm bảo điều kiện triển khai dự án; Chủ đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân địa phương có giải pháp thực hiện đầu tư, quản lý công trình tránh tình trạng Dự án sau đầu tư trở thành đường công vụ cho các dự án lân cận gây ra tình trạng hổng hóc, xuống cấp của Dự án.

PHỤ BIỂU 03: PHÂN BỐ NGUỒN CÒN LẠI CHƯA PHÂN BỐ CHO CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH SAU KHI ĐƯỢC PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN

(Kèm theo Nghị quyết số: 81/NQ-HĐND ngày 31/03/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Nghìn đồng

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn đã cấp đến nay		Phân khai KH vốn năm 2022
			Số, ngày, tháng, năm	TMBT	Trong đó: NS tỉnh	Số, ngày, tháng, năm	Giá trị quyết toán được duyệt	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Trong đó: NS tỉnh	
	Tổng số			1.940.412.000	1.824.138.000		1.795.414.031	1.743.493.194	1.651.200.891	1.607.758.693	132.591.056
1	Sửa chữa cụm công trình Trung tâm tổ chức hội nghị, trụ sở liên cơ quan số 2, nhà khách và hệ thống nhà cầu kết nối với các trụ sở liên cơ với trụ sở UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	4389/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 3373/QĐ-UBND ngày 31/8/2020	225.334.000	225.334.000	7812/QĐ-STC ngày 31/12/2021 của Sở Tài chính	216.455.624	216.455.624	170.000.000	170.000.000	46.455.624
2	Cung Quy hoạch, Hội chợ và Triển lãm Quảng Ninh	BQLDA ĐTXD DD&CN	Số 1756/QĐ-UBND 12/8/2014; 1487/QĐ-UBND 07/5/2020	1.118.421.000	1.118.421.000	4805/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh	1.103.032.911	1.103.032.911	1.065.760.347	1.065.760.347	34.239.000
3	Dự án Hạ tầng giao thông vào khu sản xuất tôm giống, tôm thương phẩm và thức ăn cho tôm sử dụng công nghệ cao tại xã Cộng Hòa, thành phố Cẩm Phả	UBND TP Cẩm Phả	4460/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	96.000.000	67.200.000	7589/QĐ-STC ngày 24/12/2021 của Sở Tài chính	79.654.433	67.200.000	74.094.128	67.000.000	200.000
4	Xây dựng trụ sở làm việc công an các phường thuộc thị xã Quảng Yên, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Công an tỉnh	QDDA 4067/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	85.424.000	85.424.000	7835/QĐ-STC ngày 30/12/2021 của Sở Tài chính	78.108.753	78.108.753	60.000.000	60.000.000	18.000.000
5	Dự án hỗ trợ Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Công an tỉnh Quảng Ninh	Công an tỉnh	4068/QĐ-UBND; 30/10/2017	29.926.000	29.926.000	7879/QĐ-STC ngày 31/12/2021 của Sở Tài chính	29.054.672	29.054.672	26.053.244	26.053.544	3.000.000
6	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 279 đoạn từ Km27+100 đến Km30+300	UBND TP Hạ Long	4487/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	127.474.000	75.000.000	447/QĐ-STC ngày 25/01/2021 của Sở Tài chính	68.900.650	64.434.247	60.838.370	59.490.000	4.944.247
7	Cải tạo nâng cấp đường tỉnh 334 đoạn từ km30+750 đến Km 31+050	BQLDA ĐTXD Giao thông	số 4414/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	43.297.000	43.297.000	484/QĐ-STC ngày 26/01/2021 của Sở Tài chính	35.603.578	35.603.578	34.000.000	34.000.000	1.603.578
8	Tiêu thoát nước khu Cửa đền và khu vực Láng Cà thuộc các xã Hồng Thái Tây, Hồng Thái Đông thị xã Đông Triều và khu vực phía Bắc phường Phương Nam, thành phố Uông Bí	BQLDA ĐTXD Nông nghiệp & PTNT	4398/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	70.000.000	70.000.000	441/QĐ-STC ngày 25/01/2021 của Sở Tài chính	65.594.060	65.594.060	59.882.873	59.882.873	5.711.187
9	Hỗ trợ xây dựng dự án Doanh trại Ban chỉ huy quân sự huyện Hoàng Bô	BCH QS tỉnh	5232/QĐ-BTL ngày 28/8/2015; 7080/QĐ-BTL ngày 06/12/2017	55.110.000	20.110.000	3728/QĐ-QK3 ngày 28/12/2021	52.914.833	17.914.833	48.500.000	13.500.000	4.414.833

18

TT	Danh mục công trình	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư			Quyết định phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn đã cấp đến nay		Phân khai KH vốn năm 2022
			Số, ngày, tháng, năm	TMBT	Trong đó: NS tỉnh	Số, ngày, tháng, năm	Giá trị quyết toán được duyệt	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Trong đó: NS tỉnh	
10	Dự án Nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất Trụ sở Công an tỉnh Quảng Ninh	Công an tỉnh	42922/QĐ-UBND; 26/10/2018	52.720.000	52.720.000	837/QĐ-STC ngày 22/02/2021 của Sở Tài chính	47.075.193	47.075.193	41.000.000	41.000.000	6.075.193
11	Tuyến đường 2,3,4 nối từ Cảng hàng không Quảng Ninh với tuyến đường trục chính KKT Vân Đồn	BQL Khu kinh tế Quảng Ninh	QĐDA 4051/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 5323/QĐ-UBND ngày 20/12/2019	36.706.000	36.706.000	845/QĐ-STC ngày 22/02/2021 của Sở Tài chính	19.019.323	19.019.323	11.071.929	11.071.929	7.947.394

18

PHỤ BIỂU 04: PHÂN BỐ KẾ HOẠCH NĂM 2022

Chương trình tổng thể phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh ở các xã, thôn, bản vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo gắn với xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 81/NQ-HĐND ngày 31/03/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Tên dự án/Nội dung	Quyết định phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
Tổng số		430.000	170.000	
Huyện Bình Liêu		430.000	170.000	
Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Húc Động - Đồng Văn, Cao Ba Lanh kết nối đến Quốc lộ 18C huyện Bình Liêu	Số 10/QĐ-UBND ngày 16/01/2022 của UBND huyện Bình Liêu	430.000	170.000	